

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 03 – 01 - 2018
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Hồng Việt;

Ông Nguyễn Quang Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trung Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 224/2017/TLST-HNGĐ, ngày 02/10/2017 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04/12/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Mai Y**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Thôn LH, xã KQ, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Anh **Bùi Đình Q**, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Đội 874, xã ĐV, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang.

Chị Y có mặt, anh Q vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai chị Nguyễn Thị Mai Y trình bày: Vợ chồng chị quen biết, tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, được cưới hỏi theo phong tục, ngày 25/9/2014 đăng ký kết hôn tại UBND xã KQ, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng chị làm ăn, sinh sống cùng gia đình chồng tại Đội 874, xã ĐV, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống của anh chị hạnh phúc đến hết năm 2016. Đến tháng 01/2017 chị biết mình không có khả năng sinh con nên chị đã tự bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã KQ, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang để sinh sống. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Mâu thuẫn được hai bên gia đình hoà giải nhưng không thành.

Nay chị xác định không còn tình cảm với anh Q, chị xin ly hôn anh Q.

Về con chung: Chị và anh Q không có con chung.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Vợ chồng chị không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung; Anh chị không vay nợ chung của ai.

Quá trình giải quyết vụ án tại bản tự khai anh Bùi Đình Q trình bày về quen biết, kết hôn đúng như chị Y trình bày. Quá trình chung sống anh, chị hoà thuận, hạnh phúc đến hết năm 2016, đến tháng 1/2017 chị Y tự bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã KQ, vợ chồng không có mâu thuẫn gì, anh đã đến gia đình nhà bố mẹ vợ để đón vợ về nhưng vợ anh không về lý do vợ anh không có khả năng sinh con muốn giải phóng cho anh. Anh thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh không có con chung.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Vợ chồng anh không có tài sản chung; Anh chị không vay nợ chung của ai.

Kết quả xác minh:

Đội Trưởng Đội 874 xã ĐV cho biết: Anh Q, chị Y có đăng ký kết hôn năm 2014. Sau khi đăng ký kết hôn chị Y, anh Q chung sống với nhau tại Đội 874, xã ĐV, huyện YS. Anh Q, chị Y sống với nhau không thấy mâu thuẫn gì, nhưng từ đầu năm 2017 không thấy chị Y ở nhà cùng anh Q nữa. Hiện nay chị Y làm gì, ở đâu ông không biết. Anh Q, chị Y không có con chung, không có tài sản gì chung, có vay nợ gì chung thì ông không rõ.

Tại phiên toà chị Nguyễn Thị Mai Y giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị trình bày anh Q khai là đến đoán chị là không đúng.

Anh Bùi Đình Q vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Nguyên đơn thực hiện đúng các Q, nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đúng các Q, nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của BLTTDS.

Về nội dung: Đề nghị xử cho chị Nguyễn Thị Mai Y ly hôn anh Bùi Đình Q. Về con chung không có. Về tài sản chung, vay nợ chung không có.

Chị Nguyễn Thị Mai Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Tuyên Q kháng cáo cho các đương sự

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Tòa án nhận định:

(1) Chị Nguyễn Thị Mai Y và anh Bùi Đình Q cùng đăng ký nhân khẩu thường trú tại Đội 874, xã ĐV, huyện YS. Chị Y có đơn khởi kiện ly hôn. Vụ án thuộc thẩm Q giải quyết của Toà án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang theo quy định của các Điều 28, 35 và Điều 39 BLTTDS.

(2) Vụ án được Toà án thông báo phiên hoà giải, tổng đạt hợp lệ cho anh Q nhưng anh Q không đến Toà án nên không tiến hành hoà giải được. Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh Q đã nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng anh Q không đến. Toà án quyết định hoãn phiên toà, Tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên toà cho anh Q nhưng anh Q vắng mặt lần thứ 2. Toà án xét xử vụ án vắng mặt anh Q theo quy định của Điều 228 BLTTDS.

(3) Hôn nhân của chị Nguyễn Thị Mai Y và anh Bùi Đình Q trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm Q do đó hôn nhân là hợp pháp. Cuộc sống chung chị Y, anh Q phát sinh do không có con chung. Chị Y, anh Q đã sống ly thân từ tháng 01/2017, cuộc sống chung đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị Y ly hôn anh Q.

(4) Con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Mai Y và anh Bùi Đình Q không có.

(5) Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mai Y phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình theo quy định của Điều 147 BLTTDS và theo quy định của Khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Y đã nộp, anh Q không phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

(6) Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của Điều 273 của BLTTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng: Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mai Y xin ly hôn anh Bùi Đình Q.

Tuyên xử:

1. Cho chị Nguyễn Thị Mai Y ly hôn anh Bùi Đình Q.

2. Về con chung: Không có.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mai Y phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Y đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0004382 ngày 02/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

4. Chị Nguyễn Thị Mai Y có Q kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Bùi Đình Q có Q kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND huyện YS;
- UBND xã KQ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Anh Thành

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quang Thắng

Lê Hồng Việt

Phan Anh Thành

